



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: 01-C2/VNM/2020

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG KHÔNG
ĐƯỜNG NHÃN HIỆU VINAMILK
100% SỮA TƯƠI - HỌC ĐƯỜNG

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01-C2/VNM/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam

Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.54155555

Fax: 028.54161226

E-mail: vinamilk@vinamilk.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0300588569

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi - Học đường

2. Thành phần:

Sữa tươi (99,6%), chất ổn định (471, 460(i), 407, 466), khoáng chất (tricalci phosphat, sắt pyrophosphat, magnesi oxyd, kẽm sulfat, đồng sulfat, kali iodid, natri selenit), vitamin (natri ascorbat, PP, E, B1, B5, B6, A, acid folic, K1, D3), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, taurin.

Có chứa sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn sử dụng và Ngày sản xuất: Xem trên hộp/ bịch.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói:

Đóng gói với thể tích thực: Hộp 110 ml, Hộp 180 ml và Bịch 220 ml.

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ)



4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp giấy/ bịch giấy, bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Vinamilk

Sản xuất tại các nhà máy sau:

- Nhà máy Sữa Thống Nhất (ký hiệu A) - 12 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Trường Thọ (ký hiệu B) - 32 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Cần Thơ (ký hiệu C) - KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Bình Định (ký hiệu E) - 87 Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Đà Nẵng (ký hiệu P) - Lô Q, KCN Hòa Khánh, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
- Nhà máy Nước Giải Khát (ký hiệu I) - Lô A (A_9_CN & A_2_CN), đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Lam Sơn (ký hiệu L) - KCN Lễ Môn, P. Quảng Hưng, TP. Thanh Hoá, Thanh Hoá, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Việt Nam (ký hiệu M) - Lô A_4,5,6,7_CN đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Nghệ An (ký hiệu N) - Đường Sào Nam, P. Nghi Thu, TX. Cửa Lò, Nghệ An, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Sài Gòn (ký hiệu S) - Lô 1-18 khu G1, KCN Tân Thới Hiệp, Hương Lộ 80, P. Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Nhà máy Sữa Tiên Sơn (ký hiệu T) - KCN Tiên Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Bắc Ninh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Theo quy định của các văn bản kỹ thuật:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 5-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng
- Thông tư số 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
- Thông tư số 31/2019/TT-BYT: Quy định yêu cầu đối với các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường

2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 01-C2/VNM/2020.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Mai Kiều Liên

SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG - KHÔNG ĐƯỜNG

VNM 100% Sữa tươi - Học Đường - Hộp 110 ml

Design Code: 0D72N6D01

NSX / PRD:

EXP / DSH:

BAO BÈ
Tetra Pak
GRATU LƯỢNG

Lạc đầu, tước khi sử dụng
Bao bì của Tetra Pak (Thủy Điện)

VINAMILK

Sản phẩm của CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Product of **VINAMILK DAIRY PRODUCTS J.S. CO**
10 Tân Tạo, Phường Tân Phú, Quận 7,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84.28) 54.53.555 - Fax: (84.28) 54.61.228
Website: www.vinamilk.com.vn
Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam, Made in Vietnam

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
☎ 1.900.636.979

Sản phẩm chất lượng, dinh dưỡng và vệ sinh
Sản phẩm sử dụng đất chài từ lúa nước Việt Nam
Không dùng chất diệt T.Ư.Ư.
Sản phẩm có nội fan sử dụng

Hộp nặng 2,5 kg (không nắp),
Lấy đầu trước khi sử dụng, Ngọn hơn khi dùng bình.
Shake well before use. Best served chilled.
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.
Store in a cool and dry place.

HSD: KNSX/EXP & PRD: Xem trên hộp. See on top.

VINAMILK

100% Sữa Tươi

HỌC ĐƯỜNG

Thịt Tốt Thực chất sữa tươi
KHÔNG
Thêm Đường
SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG KHÔNG ĐƯỜNG

VINAMILK

100% Fresh Milk

SCHOOL MILK

110 ml
No Artificial Flavours

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml (*)

Nutritional information per 100 ml

Energy	63 kcal	Vitamin A	70 µg
Protein	3.0 g	Vitamin B1	1.25 µg
Total Fat	3.5 g	Vitamin B2	0.40 µg
Carbohydrate	4.9 g	Vitamin C	1.4 µg
Sodium	43 mg	Vitamin D	0.1 µg
Calcium	28 mg	Vitamin E	7.3 µg
Iron	10 mg	Vitamin K1	100 µg
Zinc	120 mg	Vitamin B6	100 µg
Phosphorus	90 mg	Vitamin PP	12 µg
Hydroxy Methylxanthine	119 µg	Vitamin B5	90 µg
Vitamin	1.7 µg	Vitamin B7	0.23 µg
WV	1.5 mg	Asiatic	30 µg
Kenolic	1.3 mg	Sialic	30 µg
Acid	68 µg	Starch	20 µg
Sugar	38 µg		

Thành phần Ingredients: Sữa tươi (93.8%), chất ổn định (41', 401'), 401', 406), Hômyc (từ Ascha, phostal, sít, pyrophosphat, magnes oxyd, kẽm silicat, đồng silicat, sắt oxyd, natri stearat), vitamin (natri ascorbat, PP, E, B1, B5, B6, A, acid folic, K1, D3), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, taunin / Fresh milk (93.8%), stabilizers (41', 401', 407', 456), minerals (tricalcium phosphate, ferroc phosphate, magnesium oxide, zinc sulphate, copper sulphate, potassium iodide, sodium selenate, vitamins (ascorbic acid, sodium selenate, vitamin C, vitamin E, vitamin K1, B1, B5, B6, A, folic acid, K1, D3), artificial flavours, taunine.

(*) Hàm lượng các vitamin và khoáng chất không thấp hơn 80% giá trị dinh dưỡng.

Thành phần sữa từ 100% sữa tươi.

1 2 3 4
5 6 7
8 9
10

0D72N6D01

1 2 3 4
5 6 7
8 9
10

PHAN MINH TIÊN

Pháp Lý

MAI KIỀU LIÊN

GDDH MKT

DUYẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

15-01-20

DIỆP HỒNG KHÔN

COLOR CODE: Pantone Reflex Blue C

C M K

CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 01-C2/VNM/2020

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam

Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.54155555 Fax: 028.54161226

E-mail: vinamilk@vinamilk.com.vn

1. Sản phẩm: Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi - Học đường

2. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng lỏng, đồng nhất khi lắc đều
2	Màu sắc	Tự nhiên của sản phẩm từ trắng đục đến vàng kem nhạt
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100 ml	$\geq 56,76$
2	Hàm lượng chất béo	g/100 ml	$\geq 3,28$
3	Hàm lượng chất đạm	g/100 ml	$\geq 2,81$
4	Hàm lượng hydrat cacbon	g/100 ml	≥ 4
5	Lysine	mg/100 ml	$\geq 177,5$
6	Taurin	mg/100 ml	$\geq 4,97$
7	pH	-	6,4 - 6,8
Vitamin và Khoáng chất (*)			
8	Vitamin A	$\mu\text{g}/100 \text{ ml}$	60 - 80
9	Vitamin D3	$\mu\text{g}/100 \text{ ml}$	1 - 1,4
10	Vitamin E	mg/100 ml	0,35 - 0,5
11	Vitamin C	mg/100 ml	6,4 - 8,4



12	Vitamin K1	µg/100 ml	2,5 - 3,3
13	Vitamin B1	µg/100 ml	95 - 125
14	Vitamin B2	µg/100 ml	≥ 80
15	Vitamin PP	mg/100 ml	1 - 1,4
16	Vitamin B6	µg/100 ml	79,1 - 104,1
17	Acid Folic	µg/100 ml	27,5 - 37,5
18	Vitamin B5	µg/100 ml	300 - 400
19	Vitamin B12	µg/100 ml	0,19 - 0,3
20	Biotin	µg/100 ml	≥ 1,6
21	Calci	mg/100 ml	114 - 150
22	Phospho	mg/100 ml	76 - 100
23	Magnesi	mg/100 ml	10 - 14,8
24	Iốt	µg/100 ml	≥ 14,3
25	Sắt	mg/100 ml	1,4 - 1,9
26	Kẽm	mg/100 ml	1,1 - 1,6
27	Đồng	µg/100 ml	61 - 90,3
28	Selen	µg/100 ml	3,1 - 4,1

(*) Mức công bố vitamin và khoáng chất: Hàm lượng trung bình trong 100 ml sữa, phù hợp theo Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Bộ Y tế về Quy định yêu cầu đối với các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong chương trình Sữa học đường; và Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Chỉ tiêu an toàn:

4.1. Giới hạn về vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Enterobacteriaceae	CFU/ml	5
2	Listeria monocytogenes	CFU/ml	10 ²

4.2. Giới hạn về kim loại nặng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen	mg/kg	0,5
2	Cadmi	mg/kg	1,0
3	Chì	mg/kg	0,02
4	Thủy ngân	mg/kg	0,05
5	Stibi	mg/kg	1,0

4.3. Giới hạn về hóa chất không mong muốn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Melamine	mg/kg	1,0

4.4. Các chỉ tiêu khác:

- **Dư lượng thuốc thú y:** Phù hợp với QCVN 5-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng và Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.
- **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp với QCVN 5-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng và Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Ngon hơn khi uống lạnh. Lắc đều trước khi sử dụng. Sản phẩm cho một lần sử dụng.
- Công dụng: Sản phẩm giúp bổ sung năng lượng, dinh dưỡng và vi chất.
- Sản phẩm sử dụng tốt cho trẻ ở lứa tuổi học đường. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
- Lượng dùng đề nghị:
 - + Hộp 180 ml: Nên dùng 1-2 hộp mỗi ngày.
 - + Hộp 110 ml: Nên dùng 2-3 hộp mỗi ngày.
 - + Bịch 220 ml: Nên dùng 1 bịch mỗi ngày.

6. Hướng dẫn bảo quản:

- Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC *Thu*



Mai Kiều Liên

BẢN THÔNG TIN NHU CẦU DINH DƯỠNG RNI

Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhân hiệu Vinamilk 100% sữa tươi - Học đường

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố trong 100 ml	Giá trị trên nhãn 100 ml	Mức đáp ứng của 180 ml theo nhu cầu dinh dưỡng % DV			
				1-3 tuổi	4-6 tuổi	7-9 tuổi	10-12 tuổi
Khoáng chất							
Calci	mg	114 - 150	120	43,2	36,0	30,9	21,6
Phospho	mg	76 - 100	90	35,2	32,4	32,4	13,0
Magnesi	mg	10 - 14,8	11,8	32,7	27,9	21,2	13,3
Iốt	µg	≥ 14,3	17,8	35,6	35,6	35,6	26,7
Sắt	mg	1,4 - 1,9	1,5	35,1	32,1	22,7	13,8
Kẽm	mg	1,1 - 1,6	1,3	57,1	45,9	41,8	24,1
Đồng	µg	61 - 90,3	68	(*)	(*)	(*)	(*)
Selen	µg	3,1 - 4,1	3,6	38,1	29,5	30,9	20,3
Vitamin							
Vitamin A	µg	60 - 80	70	31,5	28,0	25,2	21,0
Vitamin D3	µg	1 - 1,4	1,25	45,0	45,0	45,0	45,0
Vitamin E	mg	0,35 - 0,5	0,42	15,1	12,6	10,8	7,6
Vitamin C	mg	6,4 - 8,4	7,4	44,4	44,4	38,1	20,5
Vitamin K1	µg	2,5 - 3,3	2,9	40,2	27,5	21,8	14,9
Vitamin B1	µg	95 - 125	100	36,0	30,0	20,0	15,0
Vitamin B2	µg	≥ 80	100	36,0	30,0	20,0	13,8
Vitamin PP	mg	1 - 1,4	1,2	36,0	27,0	18,0	13,5
Vitamin B6	µg	79,1 - 104,1	90	32,4	27,0	16,2	12,5
Acid Folic	µg	27,5 - 37,5	30	33,8	27,0	18,0	13,5
Vitamin B5	µg	300 - 400	320	(*)	(*)	(*)	(*)
Vitamin B12	µg	0,19 - 0,3	0,23	46,0	34,5	23,0	17,3
Biotin	µg	≥ 1,6	2	(*)	(*)	(*)	(*)

Ghi chú:

%DV: Mức đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (tính bằng % mức đáp ứng) của lượng vitamin và khoáng chất trung bình theo RNI được công bố trên nhãn sản phẩm cho 1 hộp 180 ml.

Mức khuyến nghị RNI theo phụ lục “Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam” ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế.

(*) Không quy định bởi Phụ lục “Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam” ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế.

CƠ CHẾ TÁC DỤNG VÀ TÀI LIỆU CHỨNG MINH

Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi - Học đường

1. Cơ chế tác dụng:

- Sản phẩm giúp bổ sung năng lượng, dinh dưỡng và vi chất

Sản phẩm với các thành phần vitamin và khoáng chất:

- **Vitamin A:** có tác dụng bảo vệ mắt, chống quáng gà và bệnh khô mắt, đảm bảo sự phát triển bình thường của bộ xương, răng, bảo vệ niêm mạc và da, tăng cường sức đề kháng của cơ thể chống lại các bệnh nhiễm khuẩn (Tài liệu 2.1, trang 86).
- **Vitamin D3:** giúp cơ thể sử dụng tốt calci và phospho để hình thành và duy trì hệ xương, răng vững chắc (Tài liệu 2.1, trang 89).
- **Vitamin E:** có vai trò chính là chống oxy hóa. Như là một chất thu dọn gốc tự do, Vitamin E bảo vệ các acid béo không bão hòa nhiều nối đôi (PUFA) và cholesterol trong màng tế bào, bảo vệ hệ thần kinh, làm tăng tuần hoàn máu nên làm giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch, bảo vệ hệ cơ, xương và võng mạc mắt. Vitamin E cần thiết đối với chức năng miễn dịch bình thường (Tài liệu 2.1, trang 92-93).
- **Vitamin C:** có chức năng như một chất chống oxy hóa để bảo vệ cơ thể chống lại các tác nhân gây oxy hóa có hại; còn có chức năng chống lại dị ứng, làm tăng chức năng miễn dịch, kích thích tạo dịch mật và giải phóng các hormon steroid; cần cho chuyển đổi cholesterol thành acid mật, liên quan đến giải độc (Tài liệu 2.1, trang 134).
- **Vitamin K1:** có chức năng chính như một coenzym trong quá trình tổng hợp nhiều thể hoạt động sinh học của protein, tham gia quá trình đông máu như protein của prothrombin. Vitamin K1 có tác dụng gắn các phân tử cacbon dioxide vào các glutamate dư trên protein làm tăng tiềm năng gắn canxi vào xương, hệ cơ. Biểu hiện chính của thiếu vitamin K1 là thời gian đông máu kéo dài (Tài liệu 2.1, trang 97).
- **Vitamin B1:** tham gia vào việc ổn định chức năng hoạt động của hệ thần kinh. Thiếu vitamin B1 gây mất cảm giác ngon miệng, chán ăn, giảm trương lực cơ, thay đổi về thần kinh (Tài liệu 2.1, trang 99).
- **Vitamin B2:** được coi như một yếu tố quan trọng cho phát triển và phục hồi các mô ở động vật. Tham gia vào cấu trúc của 2 coenzym flavin mononucleotid (FMN) và flavin adenin dinucleotid (FAD). Những coenzym này hoạt động trong phản ứng oxy hóa khử. Ngoài ra, Riboflavin rất cần thiết cho sự phát triển và sinh sản (Tài liệu 2.1, trang 102, 103).
- **Vitamin PP (vitamin B3):** đóng vai trò chất mang hoặc đồng enzyme để chuyển iron hydro trong các men thủy phân và có vai trò quan trọng trong các phản ứng oxy hoá khử sinh học. Thiếu vitamin PP gây các triệu chứng viêm da, viêm liệt thần kinh ngoại biên, tổn thương đường tiêu hoá (Tài liệu 2.1, trang 105, 107).
- **Vitamin B6:** có vai trò quan trọng đối với các enzyme cần cho quá trình chuyển hóa amino acid, glycogen và các gốc sphingoid. Thiếu vitamin B6 có thể gây viêm da tăng bã nhờn, thiếu máu hồng cầu nhỏ, có cơn run giật kiểu động kinh, trầm cảm và rối loạn ý thức. Thiếu vitamin B6 cũng dẫn tới rối loạn thần kinh, giảm chức năng của tiểu cầu, quá trình đông máu và nguyên nhân gây ra các bệnh tim mạch (Tài liệu 2.1, trang 114 và 115).

- **Acid folic:** hoạt động như một coenzym trong phản ứng di chuyển gốc cacbon trong chuyển hóa acid nucleic và các amino acid, giúp tạo hồng cầu, chống dị tật ống thần kinh trong quá trình hình thành thai nhi (Tài liệu 2.1, trang 117-118).
- **Acid pantothenic (vitamin B5):** là thành phần của Coenzym A (CoA) và phosphopantethein trong các tế bào sống, tham gia vào rất nhiều các phản ứng hoá học trong cơ thể đặc biệt chuyển hoá acid béo do vậy cần thiết cho tất cả các dạng của sự sống (Tài liệu 2.1, trang 110).
- **Vitamin B12:** là một cơ chất (cofactor) gắn vào enzyme cần thiết cho hoạt tính của hai loại enzyme gồm methionine synthase xúc tác tổng hợp methionin và L-methylmalonyl-CoA mutase xúc tác trong chuyển hoá L-methylmalonyl-CoA. Thiếu vitamin B12 làm tăng homocystein dẫn đến thiếu máu (thiếu hồng cầu to tương tự thiếu acid Folic) và việc tăng homocystein ở người trên 60 tuổi là nguyên nhân các bệnh tim mạch. Thiếu vitamin B12 ở phụ nữ mang thai cũng gây dị tật ống thần kinh ở trẻ sơ sinh (Tài liệu 2.1, trang 123-125).
- **Biotin (Vitamin B7 hay vitamin H):** đóng vai trò cơ chất (cofactor) kết hợp enzyme để xúc tác trong các phản ứng carboxyl hóa. Biotin rất quan trọng cho tóc và móng giúp tóc mọc nhanh, khỏe và dày. Thiếu biotin gây rụng tóc, móng giòn dễ gãy. Biotin có vai trò ổn định đường huyết (Tài liệu 2.1, trang 128).
- **Calci:** giúp cơ thể hình thành hệ xương và răng vững chắc, đảm bảo chức phận thần kinh và sự đông máu bình thường (Tài liệu 2.1, trang 56).
- **Phospho:** có vai trò hình thành và duy trì hệ xương và răng vững chắc, và duy trì các chức phận của cơ thể (Tài liệu 2.1, trang 58).
- **Magnesi:** thay thế calci trong vận chuyển và quá trình khoáng hóa như tạo xương, tích hợp các chất khoáng, có chức năng như một enzyme co-factor, định hình hoạt động của các hormone trong cơ thể. Magnesi còn có vai trò quan trọng đối với nhiều chức năng liên kết, bao gồm cả sao chép DNA và tổng hợp protein (Tài liệu 2.1, trang 60).
- **Sắt:** đóng vai trò hết sức quan trọng trong cơ thể. Sắt cùng với protein tạo thành huyết sắt tố (hemoglobin), vận chuyển O₂ và CO₂, phòng bệnh thiếu máu và tham gia vào thành phần các men oxy hóa khử (Tài liệu 2.1, trang 62).
- **Iod:** là thành phần thiết yếu của các hormone tuyến giáp, điều hoà nhiều phản ứng sinh hoá quan trọng, bao gồm tổng hợp protein và hoạt động các enzyme. Iod giúp tuyến giáp trạng hoạt động bình thường, phòng bệnh bướu cổ và thiếu năng trí tuệ (Tài liệu 2.1, trang 71).
- **Kẽm:** là vi khoáng cần thiết cho sự tăng trưởng và phát triển hợp lý, giúp cơ thể chuyển hóa năng lượng và hình thành các tổ chức, giúp trẻ ăn ngon miệng và phát triển tốt. Kẽm góp phần vào chức năng bình thường của hệ miễn dịch. (Tài liệu 2.1, trang 67 và 68).
- **Đồng:** là thành phần của số metalloenzyme, hoạt động như oxidase trong khử oxy phân tử. Một số metalloenzyme bao gồm: Diamine oxidase – khử hoạt tính của histamin sinh ra từ những phản ứng gây dị ứng; Enzyme đồng/kẽm superoxide dismutase (Cu/Zn SOD) bảo vệ khỏi tác hại oxy hoá, đột biến gen (Tài liệu 2.1, trang 76).
- **Selen:** là một chất dinh dưỡng chống oxy hoá, điều hoà hoạt động hormone tuyến giáp và trạng thái oxy hoá khử của Vitamin C và các phân tử khác (Tài liệu 2.1, trang 73).

- **Taurine:** Taurin là một axit amin thiết yếu, đóng vai trò quan trọng cho tế bào võng mạc, não và hệ thần kinh, có khả năng chống quá trình oxy hóa, ... Ngoài ra, taurine có vai trò trong ổn định màng tế bào, điều chế nồng độ canxi trong tế bào, thẩm thấu và giải độc (Tài liệu 2.2).

2. Tài liệu chứng minh:

- 2.1 Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam. Bộ Y tế, Viện Dinh Dưỡng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội (2016).
- 2.2 R. Lourenço, M. E. Camilo. Taurine: a conditionally essential amino acid in humans? An overview in health and disease. Nutr. Hosp. (2002) XVII (6) 262-270. ISSN 0212-1611•CODEN NUHOEQ .S.V.R. 318.



CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2273/TB.CTS-NCPT/2020

V/v: Thông báo bổ sung sau công bố

TP.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2020

**Kính gửi: BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM
TP. HỒ CHÍ MINH**

Trước tiên, Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) cảm ơn sự hỗ trợ của Ban quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh đối với công ty trong thời gian qua.

Sản phẩm của Vinamilk đã thực hiện thủ tục tự công bố sản phẩm:

Tên sản phẩm	Số CBSP	Ngày công bố	Ngày Ban QL ATTP tiếp nhận
Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi - Học đường	01-C2/VNM/2020	18/01/2020	20/01/2020

Căn cứ Khoản 4, Điều 5 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018, Vinamilk xin thông báo bổ sung chỉ tiêu Tỷ trọng trong “Bản tiêu chuẩn sản phẩm số 01-C2/VNM/2020 - Mục 3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu” của sản phẩm trên để phù hợp QCVN 5-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng, cụ thể:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
Tỷ trọng ở 20 °C	-	≥ 1,026

Các nội dung khác (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo...) của Hồ sơ tự công bố sản phẩm không thay đổi. Vinamilk cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã công bố. Vinamilk xin thông báo đến Ban quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh để biết.

Trân trọng cảm ơn.

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI KIỀU LIÊN

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu HC, NCPT

CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3521/TB-CTS.NCPT/2020

V/v: Thông báo bổ sung thông tin và nhãn
sản phẩm sau công bố

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2020

**Kính gửi: BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM
TP. HỒ CHÍ MINH**

Trước tiên, Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) cảm ơn sự hỗ trợ của Ban quản lý An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh đối với công ty trong thời gian qua.

Sản phẩm của Vinamilk đã thực hiện thủ tục tự công bố sản phẩm tại Ban quản lý An toàn thực phẩm như sau:

Tên sản phẩm	Số CBSP	Ngày công bố	Ngày Ban QL ATTP tiếp nhận
Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi - Học đường	01-C2/VNM/2020	18/01/2020	20/01/2020

Căn cứ Khoản 4, Điều 5 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018, Vinamilk xin thông báo bổ sung thông tin và nhãn sản phẩm thiết kế mới của sản phẩm trên để áp dụng như sau:

- Bổ sung thông tin trong Bản tự công bố sản phẩm tại Mục IV, Khoản 1. Theo quy định của các văn bản kỹ thuật:
 - Thông tư số 24/2019/TT/BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Vinamilk cam kết không sử dụng chất bảo quản trong thành phần sản phẩm.
- Bổ sung nhãn thiết kế mới của sản phẩm nêu trên có thêm các thông tin như sau (Nhãn chi tiết đính kèm):
 - Thương hiệu sữa Số 1 Việt Nam (**)
 - (**) Nghiên cứu thị trường của AC Nielsen năm 2020 theo doanh thu và sản lượng trong ngành hàng Sữa nước.
 - Top 50 công ty sữa lớn nhất thế giới (***)
 - (***) Thống kê của Plimsoll năm 2020 về doanh thu ngành Sữa.Xem chi tiết tại website: www.vinamilk.com.vn
 - Hộp 180 ml có thêm thông tin: “Resort” Bò Sữa - Công nghệ 4.0 - Scan mã QR code để khám phá.

Các nội dung trên nhãn (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo...) không thay đổi so với nhãn đã công bố. Vinamilk cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã công bố.



Vinamilk xin thông báo đến Ban quản lý An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh để biết.
Trân trọng cảm ơn.

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI KIỀU LIÊN

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HC, NCPT



**SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG
KHÔNG ĐƯỜNG
TETRA Pak - Hộp 110 ml
DESIGN CODE: OD72N6D03**



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
15 - 06 - 20
MAI KIỀU LIÊN
BP. PHÁP CHẾ
DIỆP HỒNG KHÔN
MKT
PHAN MINH TIẾN

TOP 50 CÔNG TY SỮA LỚN NHẤT THẾ GIỚI (18)

100% HỌC ĐƯỜNG

Sản phẩm giúp bổ sung năng lượng, dinh dưỡng và vitamin

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG KHÔNG ĐƯỜNG

Sử dụng tốt cho trẻ ở lứa tuổi học đường

VINAMILK

Sản phẩm của **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK)**
 Product of **VIETNAM DAIRY PRODUCTS J.S. CO.**
 10 Tân Trao, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 9177ER: (84-28) 54 11 55 55 - Fax: (84-28) 54 161 226
 Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
 Website: www.vinamilk.com.vn
 Sản xuất tại Việt Nam / Made in Vietnam.

Hướng dẫn sử dụng/ Instructions for use:
 *Là: đều trước khi sử dụng. Ngon hơn khi uống lạnh.
 Shake well before use. Best served chilled.
 Hướng dẫn bảo quản/ Storage:
 Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát. Store in a cool and dry place.
 HSD & NSY/ EIP & PIP: Xem trên nắp. / See on top.
 (#) Sữa học đường - # Ngon hơn.
 (##) Thông tin của Pimol (năm 2020) về doanh thu ngành Sữa.
 Xem chi tiết tại website: www.vinamilk.com.vn
 (***) Không bổ sung đường sacchara
 (****) Hàm lượng các vitamin và khoáng chất không thấp hơn 80% giá trị hiện hành.

NSX / PRD: HSD / EXP

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Net Content: **110 ml**

VINAMILK 100% SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG KHÔNG ĐƯỜNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Thể tích thực: **110 ml**

THƯƠNG HIỆU SỮA Việt Nam

VINAMILK SỮA TƯƠI - HO

SCHOOL MILK UHT FRESH MILK PLAN

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml ()**

Năng lượng	319 kcal	710 kJ
Chất béo	3,5 g	7,7 g
Chất đạm	3,5 g	7,7 g
Hydrat cacbon	4,7 g	10,5 g
Chất xơ	0,0 g	0,0 g
Chất khoáng	200 mg	450 mg
Canxi	115 mg	255 mg
Magnesi	10 mg	22 mg
Phốt pho	115 mg	255 mg
Sắt	0,2 mg	0,4 mg
Kali	115 mg	255 mg
Natri	115 mg	255 mg
Đồng	0,05 mg	0,1 mg

Thành phần/ Ingredients: Sữa tươi (99,9%), chất ổn định (E1400, 407, 466), hương trái cây (tức là phosphate, citric acid, kali citrat, natri sebacat, vitamin (natri ascorbat, PP, E, B1, B6, A, acid folic, K1, D3), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, tartrazin /fresh milk, 29,96% saccharin (E1505, 407, 466), minerals (fructooligosaccharide, inulin, propylphosphate, magnesium oxide, zinc sulphate, copper sulphate, potassium nitrate, sodium stearoyl lactylate, sodium benzoate, PP, E, B1, B6, B6, A, folic acid, K1, D3, anthracin flavours, tartraz).

Có chứa sữa / Contains milk.

Thành phần sữa từ 100% sữa tươi.

Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi - Sản phẩm cho mọi lứa tuổi - Ngon đúng 2-4 hộp mỗi ngày.

(**) Nguyên chất từ hương trái cây. Hellen (năm 2020) theo doanh thu và sản lượng trong ngành hàng Sữa tươi.
 (***) RSPF số 01-C2/104/2008

1 2 3 4 0D72N6D03

5 6 7

8 9

10

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
J J F M A M J J A S O N D

www.letrigridk.com
 Mã QR
TRIGRID

**SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG
KHÔNG ĐƯỜNG
HỘP TP 180 ml**

DESIGN CODE: 0D72N6G03



15-06-20
MAI KIỀU LIÊN

BP. PHÁP CHẾ

(Handwritten signature)

DIỆP HỒNG KHÔN

MKT

(Handwritten initials)

PHAN MINH TIÊN

TOP 50 CÔNG TY SỮA LỚN NHẤT THẾ GIỚI (2019)

100% HỌC ĐƯỜNG

Sản phẩm giúp bổ sung năng lượng, dinh dưỡng và vị chất

Sử dụng tốt cho trẻ ở lứa tuổi học đường

"Resort" Bò Sữa
Công nghệ 4.0

SCAN MÃ QR CODE ĐỂ KHÁM PHÁ

VINAMILK
SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK)
Produced by VIETNAM DAIRY PRODUCTS, L.S. CO.,
10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84 28) 54 155 555 - Fax: (84 28) 54 161 226
Website: www.vinamilk.com.vn

Sản xuất tại Việt Nam / Made in Vietnam.
Hướng dẫn sử dụng/ Instructions for use:
Lắc đều trước khi sử dụng. Ngon hơn khi uống lạnh.
Shake well before use. Best served chilled.
Hương dẫn bảo quản/ Storage:
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát / Store in a cool and dry place.
HSD & NSV/ EXP & PROD: Xem trên hộp. / See on top.
(#) Sữa học đường - Hoàn thiện.
(#) Thông tin của Pimostri năm 2020 về doanh thu ngành Sữa Xem chi tiết tại website: www.vinamilk.com.vn
(**) Không bổ sung đường sacchara
(***) Hàm lượng các vitamin và khoáng chất thông thường hơn 80%, giá trị gột liền liền.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
(1900) 636 979

Việt Nam Value
MKT Giấy FSC® C014047

KHÔNG ĐƯỜNG/ LẮC ĐỀU TRƯỚC KHI SỬ DỤNG
Bao bì của Tetra Pak (Thụy Điển)

THỰC PHẨM BỔ SUNG

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100 ml (*)**
Nutritional information per 100 ml

Năng lượng/Energy	619 kcal	70,49
Chất béo/Fat	3,0 g	12,89g
Chất béo bão hòa/Saturated Fat	3,0 g	0,42 mg
Hydrat hóa/Carbohydrate	4,6 g	7,1 mg
Chất đạm/Protein	5,0 g	2,0 mg
Sắt/Iron	1,0 mg	400,49
Canxi/Calcium	72,0 mg	100,49
Phospho/Phosphorus	49,0 mg	12,10g
Magnezi/Magnesium	12,0 mg	30,49
Kali/Potassium	12,0 mg	3,49
Natri/Sodium	1,5 mg	0,23 mg
Acid Cloic/Chloric Acid	1,3 mg	30,49
Seleni/Selenium	68,49	3,5,49

Thành phần/Ingredients: Sữa tươi (99,6%), chất ổn định (471, 460(i), 407, 466), khoáng chất (tricalca phosphat, sắt pyrophosphat, magnesi oxyd, kền sunfat, đồng sunfat, kali iodid, natri selenit), vitamin (natri ascorbat, PP, E, B1, B5, B6, A, acid folic, K1, D3), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (466), minerals (tricalcium phosphate, feric pyrophosphate, magnesium oxide, zinc sulphate, copper sulphate, potassium iodide, sodium selenite), vitamins (ascorbic acid, PP, E, B1, B5, B6, A, folic acid, K1, D3), artificial flavours, lactine.

Thành phần sữa từ 100% sữa tươi.
Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi - Sản phẩm cho mỗi lứa tuổi - Nền tảng 1-? hợp mọi ngày.

(**) Nguyên nhân thị trường của P. Nielsen năm 2020 theo danh từ và sản lượng trong ngành hàng Sữa nước.
CBSP số: 01-C2/VNM/2020

THƯƠNG HIỆU SỮA Việt Nam

VINAMILK SỮA TƯƠI VIỆT NAM

SCHOOL NATURE MILK

100% SỮA TƯƠI

HỌC ĐƯỜNG

SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG KHÔNG ĐƯỜNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Thế tích thực: **180 ml**

NSX/PRD:

HSD/EXP:

1 2 3 4 5 6 7 8 9

J F M A M J J A S O N D

Tetra Pak®
Sustainable
Packaging

www.tetrapak.com